

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22833802] - Thực tập lắp đặt tủ
điều khiển (CCQ2215B)
CBGD: Nguyễn Việt Khoa (280021)

Số SV có mặt: 19
Số bài thi: 19
Số tờ giấy thi: 19

Nguyễn Việt Khoa
Nguyễn Việt Khoa
Nguyễn Việt Khoa
Nguyễn Việt Khoa

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122150094	Vũ Văn Minh	20/08/2004	CCQ2215A					
2	2122170583	Huỳnh Thái Nhã	30/06/2004	CCQ2215B		Huỳnh Nhã	8,8	9,0	8,9
3	2122150037	Đỗ Thế Quân	01/01/2004	CCQ2215B		Đỗ Quân	6,5	6,8	6,7
4	2122150039	Nguyễn Đức Quân	18/05/2004	CCQ2215B		Nguyễn Đức Quân	8,0	8,3	8,2
5	2122150017	Trần Khánh Quốc	27/10/2004	CCQ2215B		Trần Quốc	6,8	7,3	7,1
6	2122150029	Cao Huỳnh Thái Sơn	20/07/2004	CCQ2215B		Cao Sơn	9,0	9,3	9,2
7	2122150038	Nguyễn Trí Tài	07/02/2004	CCQ2215B		Nguyễn Tài	7,5	8,0	7,8
8	2122150007	Nguyễn Minh Tâm	27/10/2004	CCQ2215B		Nguyễn Tâm	7,8	8,3	8,1
9	2122150086	Nguyễn Vũ Hoài Tân	11/06/2004	CCQ2215B		Nguyễn Tân	8,8	9,0	8,9
10	2122150035	Huỳnh Văn Thịnh	28/09/2003	CCQ2215B		Huỳnh Thịnh	8,3	8,8	8,6
11	2122150016	Nguyễn Xuân Thịnh	28/06/2004	CCQ2215B		Nguyễn Thịnh	9,3	9,5	9,4
12	2122150025	Phan Ngọc Thông	21/03/2004	CCQ2215B		Phan Thông	8,8	9,3	9,1
13	2122150006	Nguyễn Thành Tính	20/04/2004	CCQ2215B		Nguyễn Tính	8,8	9,3	9,1
14	2122150019	Nguyễn Minh Trí	01/11/2003	CCQ2215B		Nguyễn Trí	7,8	8,3	8,1
15	2122150042	Đặng Công Trình	26/04/2004	CCQ2215B		Đặng Trình	7,5	8,0	7,8
16	2122150031	Nguyễn Minh Trức	17/02/2004	CCQ2215B		Nguyễn Trức	8,5	9,0	8,8
17	2122150030	Hồ Quang Trung	28/10/2004	CCQ2215B		Hồ Trung	7,5	7,8	7,7
18	2122150014	Nguyễn Văn Truyền	25/10/2004	CCQ2215B		Nguyễn Truyền	7,8	8,0	7,9
19	2122150096	Tô Tuấn Việt	14/10/2004	CCQ2215B		Tô Việt	9,3	8,8	9,0
20	2122150010	Trần Như Tuấn Vũ	19/10/2003	CCQ2215B		Trần Vũ	7,0	7,3	7,2